|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**(đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của**

 **Luật Khoa học và Công nghệ)**

## I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2013 (Luật số 29/2013/QH13) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 bao gồm 11 Chương, 81 Điều và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch. Với vai trò là đạo luật gốc trong lĩnh vực KH&CN, Luật KH&CN đã thể chế hoá những chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong phát triển KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững phù hợp với điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế.

Từ khi thi hành đến nay, Luật KH&CN đã phát huy vai trò trong việc t**ạo cơ sở pháp lý hiệu lực cao, đầy đủ, thống nhất và đồng bộ cho việc tiếp tục đ**ổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN; phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức KH&CN chủ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm; phát triển mạnh thị trường KH&CN; đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; chuyển các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phương thức khoán sản phẩm KH&CN; phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ trong lĩnh vực KH&CN; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài KH&CN; thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước; tích cực và chủ động mở rộng hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST).

Tuy nhiên, sau 10 năm triển khai thi hành, Luật KH&CN cũng đã bộc lộ những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn cần được tháo gỡ để giải phóng sức sáng tạo, thúc đẩy việc phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Đồng thời, bối cảnh trong nước và quốc tế thời gian qua cũng có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về KH,CN&ĐMST.

Các cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh quốc tế và trong nước được thể hiện trong đánh giá của Đảng tại Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, cụ thể như sau:

“Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội.„

Một số nội dung của Luật KH&CN cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng thực tiễn khách quan, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo động lực thúc đẩy KH,CN&ĐMST cụ thể như sau:

***1.1.***  Quy định về tổ chức khoa học và công nghệ

- Luật KH&CN (Điều 3) quy định “Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật”. Quy định này không còn phù hợp với thực tiễn vì nội dung của quy định này thể hiện đặc điểm nhận dạng tổ chức KH&CN theo chức năng nhưng cũng chưa quy định cụ thể như thế nào là tổ chức KH&CN. Hiện nay, chưa có các quy định về khái niệm, tiêu chí phân loại “Tổ chức KH&CN công lập”, dẫn đến tình trạng không rõ đối tượng áp dụng quy định của Luật liên quan đến tổ chức KH&CN công lập, gây khó khăn trong việc phân định và quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập với các loại hình đơn vị sự nghiệp công lập khác cũng tham gia hoạt động KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương. Do vậy, đề xuất cần bổ sung các quy định về đối tượng tổ chức KH&CN công lập cũng như cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập để thuận lợi trong quá trình áp dụng, triển khai.

- Về đánh giá, xếp hạng tổ chức KH&CN: Luật KH&CN đã có quy định về đánh giá, xếp hạng tổ chức KH&CN (Điều 16), đánh giá tổ chức KH&CN phục vụ quản lý nhà nước (Điều 17), tổ chức đánh giá độc lập (Điều 18). Tuy nhiên, các quy định này còn thiếu cụ thể, khó triển khai trong thực tiễn. Đồng thời, cần bổ sung quy định về kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để xem xét bố trí kinh phí trong những năm tiếp theo.

- Về lĩnh vực hoạt động: Danh mục lĩnh vực hoạt động KH&CN chưa được quy định chi tiết nên gặp nhiều khó khăn trong việc xác định các hoạt động thuộc lĩnh vực KH&CN và làm căn cứ xác định lĩnh vực đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN cũng như công tác thống kê KH&CN. Trong thực tiễn triển khai, một số hội, hiệp hội thành lập tổ chức KH&CN với chức năng, nhiệm vụ rất rộng, có một số tổ chức có lĩnh vực hoạt động chưa phù hợp hoặc ít liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan chủ quản nhưng chưa có quy định để xử lý.

- Về quyền của tổ chức KH&CN: Khoản 1 Điều 13 Luật KH&CN quy định “Tổ chức KH&CN công lập được Nhà nước giao biên chế”. Tuy nhiên, hiện nay không còn khái niệm biên chế sự nghiệp, và không phải mọi tổ chức KH&CN công lập đều được giao số lượng người làm việc, tùy thuộc vào mức độ tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Do vậy, đề xuất sửa đổi theo hướng tổ chức KH&CN công lập được quyết định số lượng người làm việc hoặc được cơ quan có thẩm quyền giao số lượng người làm việc theo quy định.

##  2. Về cá nhân hoạt động KH&CN

- Tại Điều 19 của Luật KH&CN quy định về chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ. Tuy nhiên, “chức danh công nghệ”chưa được quy định rõ gây khó khăn trong việc xác định và chưa thống nhất với quy định về chức danh khoa học.

- Một số khái niệm chưa có tiêu chí xác định như “nhà khoa học”, “nhân lực KH&CN” để thuận lợi trong việc việc xác định các đối tượng này trong việc áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi, tôn vinh theo quy định.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu chưa được quy định trong Luật KH&CN, nhất là trong các lĩnh vực có ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người (như y tế) hoặc trong bối cảnh các công nghệ mới nổi (như AI). Do vậy, nội dung này cần phải được nghiên cứu, bổ sung trong Luật.

##  3. Về xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Luật KH&CN chưa có các quy định áp dụng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết như dịch bệnh, thiên tai hoặc những tình huống bất ngờ khác. Do vậy, hiện chưa có các quy định để áp dụng trong những tình huống này. Thực tiễn những gần đây, đại dịch Covid -19 là một ví dụ. Đại dịch Covid-19 xảy ra đặt ra một yêu cầu cấp thiết cho KH&CN cần có những nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được thực hiện gấp rút, khẩn trương và quyết liệt. Sự thiếu hụt các quy định về quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN áp dụng trong tình thế cấp thiết, đột xuất (có thể theo hướng rút ngắn thời gian các khâu xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, thẩm định kinh phí và ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ hoặc một cơ chế đặt biệt khác đồng thời cũng cần bổ sung các quy định tiêu chí xác định nhiệm vụ KH&CN trong tình huống này) nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát sinh, phục vụ an toàn, tính mạng sức khỏe cho con người, bảo vệ môi trường.

 - Không có quy định về tiêu chí để xác định *“Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.”* nên khó khăn trong việc giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hình thức giao trực tiếp.

 - Quy định tại Điều 42 Luật KH&CN và quy định Luật Sở hữu trí tuệ chưa thống nhất và chưa phù hợp với thực tiễn triển khai về xác định tác giả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Cụ thể: Điều 42 quy định *“Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tác giả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đó. Tác giả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng quyền theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật liên quan*”.

 Quy định này chưa phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ *khoa học* và thực tế triển khai. Do vậy, quy định *“tác giả kết quả KH&CN”* cần được quy định theo từng loại kết quả, không quy định chung là *“người trực tiếp thực hiện hiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.*

## 4. Về ứng dụng KH&CN

- Khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN quy định trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: *“Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi đươc đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ KH&CN”.* Qua thực tiễn triển khai, quy định này chỉ phù hợp khi chủ sở hữu kết quả nhiệm vụ KH&CN là các chủ thể là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc nhiệm vụ đặt hàng KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ.

- Các quy định về chế độ báo cáo thông tin về nhiệm vụ KH&CN chưa được thực hiện hiệu quả. Khoản 3 Điều 27 Luật KH&CN quy định Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN để tổng hợp, đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, thực tế việc gửi báo cáo này chỉ mang tính hành chính, phục vụ công tác quản lý chứ chưa đáp ứng yêu cầu báo cáo đầy đủ các thông tin cần thiết để đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN phục vụ công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành.

Khoản 1 Điều 39 Luật KH&CN quy định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin KH&CN quốc gia và tại cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương chủ quản. Thực tế hiện nay, có một số cơ quan chưa thực hiện nghiệm túc việc đăng ký, giao nộp hoặc thực hiện đăng ký kết quả không đúng theo phân cấp.

Khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN quy định: Đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ. Thực tế, các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN gần như không quan tâm đến việc phải thực hiện báo cáo ứng dụng khi nhiệm vụ được đưa vào ứng dụng, nhất là đối với những nhiệm vụ đã được chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ.

## 5. Về đầu tư tài chính phục vụ phát triển khoa học và công nghệ

### *5.1.* *Về chính sách ưu đãi tín dụng cho hoạt động KH&CN*

Khoản 3 Điều 65 Luật KH&CN quy định *“Tổ chức, cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt hoạt động triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được Ngân hàng phát triển Việt Nam xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư, dành tỷ lệ nhất định dư nợ tín dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ.”*

Tuy nhiên, hiện nay, đối với hoạt động hỗ trợ lãi suất sau đầu tư qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước, trong đó, không quy định Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hoạt động hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Vì vậy, quy định tại khoản 3 Điều 65 cũng cần được nghiên cứu, sửa đổi để phù hợp với các quy định về hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng đầu tư của Nhà nước.

### *5.2.* *Về thực hiện các quy định về cơ chế bố trí vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ thông qua Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia (Quỹ)*

- Khoản 2 Điều 53 Luật KH&CN quy định *“Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Kho bạc Nhà nước.”*.

Giai đoạn từ 2017 đến nay, hoạt động của Quỹ gặp một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế tài chính: Nghị định số 23/2014/NĐ-CP quy định ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp ***“vốn điều lệ***” cho Quỹ và cấp kinh phí bổ sung hằng năm để tổ chức thực hiện các hoạt động theo chức năng (Điều 12). Tuy nhiên, theo Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ 2017) quy định phương thức ***“cấp vốn điều lệ***” không còn phù hợp với đơn vị sự nghiệp công thực hiện chi NSNN như Quỹ. Vốn điều lệ được NSNN cấp cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để hoạt động và phải bảo toàn vốn và không được NSNN cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, Bộ Tài chính có thông báo về việc NSNN không cấp kinh phí thường xuyên cho đơn vị như Quỹ. Sự thiếu đồng bộ giữa các quy định đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của quỹ từ năm 2017 đến nay.

## 6. Về chính sách đổi mới sáng tạo

Luật KH&CN năm 2013 đã quy định khái niệm “*Đổi mới sáng tạo” tại* khoản 16 Điều 3 và tại khoản 3, khoản 4 Điều 47 quy định về khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trong xu thế phát triển như vũ bão của KH&CN toàn cầu, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh để bảo đảm sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Do vậy, việc hoàn thiện chính sách về đổi mới sáng tạo trong pháp luật về KH&CN đã trở thành cấp thiết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và tình hình mới, xu thế mới của thời đại. Do đó, cần có quy định hoàn chỉnh tại Luật KH&CN về đổi mới sáng tạo (từ các khái niệm liên quan, nội hàm của đổi mới sáng tạo cũng như những chính sách của nhà nước ta để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo).

### 7. Về hội nhập quốc tế về KH&CN

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế tất yếu và tiến triển rộng khắp. Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng,… đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững. KH,CN&ĐMST và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN được quan tâm triển khai. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong giai đoạn 2013-2023 cho thấy, đã có sự thay đổi rõ nét trong chính sách hợp tác KH&CN của các đối tác nước ngoài theo hướng các bên cùng chia sẻ trách nhiệm và tài chính, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi; ngày càng nhiều khuôn khổ hợp tác mới được hình thành với sự tham gia tích cực và chủ động hơn của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài trở về. Bối cảnh chung trên thế giới và trong nước có nhiều thay đổi và tác động đến định hướng phát triển KH,CN&ĐMST nói chung; đến việc thúc đẩy hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN nói riêng.

### 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

#### 2.1. Mục tiêu tổng thể

Tại Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã  **x**ác định: “*Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo*, ...; *Hoàn thiện* *các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo*.*”*; *“Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”.*

Tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.”; “Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”.*

Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.”*

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

###  Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn luật theo hướng:

1. Hoàn thiện quy định về tổ chức KH&CN.

2. Hoàn thiện quy định về cá nhân hoạt động KH&CN; bổ sung các quy định liên quan đến đạo đức trong nghiên cứu, rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu.

3. Hoàn thiện quy định liên quan đến thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

5. Hoàn thiện quy định để thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN tập trung vào các nhóm chính sách lớn. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách hoặc bổ sung, cụ thể hóa quy định hiện hành, hoặc đề xuất giải pháp, chính sách mới.

**1. Chính sách 1: hoàn thiện quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức KH&CN, tăng cường quản lý và nâng cao vai trò của tổ chức KH&CN**

***1.1. Xác định vấn đề bất cập***

Tổ chức KH&CN là một trong những nơi tập trung hoạt động KH&CN, tạo ra tri thức và các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN để ứng dụng vào thực tiễn, giúp nâng cao cuộc sống vật chất, tinh thần của người dân và phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì tầm quan trọng nêu trên mà các tổ chức KH&CN luôn được Nhà nước quan tâm đầu tư và hoàn thiện hành lang pháp lý để phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian qua đã xuất hiện tình trạng một số tổ chức KH&CN hoạt động không đúng mục tiêu, không đáp ứng tiêu chuẩn. Việc thành lập và đi vào hoạt động của tổ chức KH&CN không đáp ứng quy hoạch, tiềm lực và nhân lực hạn chế khiến tổ chức KH&CN, đặc biệt tổ chức KH&CN công lập chưa triển khai được các hoạt động nghiên cứu, dịch vụ KH&CN hiệu quả.

***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

 Sửa đổi, các quy định của Luật KH&CN để nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện thành lập, đăng ký và hoạt động của tổ chức KH&CN công lập, góp phần nâng cao tiềm lực KH&CN.

***1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 1.2 nói trên.

***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

##### 1.4.1. Phương án 1

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực đẩy mạnh việc kiểm tra, đánh giá hoạt động, đánh giá xếp loại tổ chức KH&CN công lập.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không nắm được thực tiễn tình hình hoạt động của tổ chức KH&CN công lập.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: những tổ chức, cá nhân hoạt động đúng quy định sẽ bị ảnh hưởng; không có động lực nâng cao chất lượng hoạt động.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Bổ sung một số yêu cầu, điều kiện về đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN công lập.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 1.4.2. Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, trách nhiệm trong hoạt động KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

###### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc áp dụng các quy định làm tăng điều kiện với tổ chức KH&CN nhưng là các điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, giúp nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; bổ sung quy định về chức danh công nghệ và các ưu đãi kèm theo để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ KH&CN.**

***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Tổ chức KH&CN là một trong những nơi tập trung hoạt động KH&CN, tạo ra tri thức và các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN để ứng dụng vào thực tiễn, giúp nâng cao cuộc sống vật chất, tinh thần của người dân và phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì tầm quan trọng nêu trên mà các tổ chức KH&CN luôn được Nhà nước quan tâm đầu tư và hoàn thiện hành lang pháp lý để phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian qua đã xuất hiện tình trạng một số tổ chức KH&CN hoạt động không đúng mục tiêu, không đáp ứng tiêu chuẩn. Việc thành lập và đi vào hoạt động của tổ chức KH&CN không đáp ứng quy hoạch, tiềm lực và nhân lực hạn chế khiến tổ chức KH&CN, đặc biệt tổ chức KH&CN công lập chưa triển khai được các hoạt động nghiên cứu, dịch vụ KH&CN hiệu quả.

***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức danh nghề nghiệp; bổ sung các chính sách khuyến khích, ưu đãi, trọng dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân hoạt động KH&CN; bổ sung quy định về đạo đức trong nghiên cứu, quy định về miễn trách nhiệm trong một số trường hợp đối với tất cả cá nhân hoạt động KH&CN để tạo sự công bằng cho các nhà khoa học trong cả khu vực công và tư.

***2.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 2.2 nói trên.

***2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

##### 2.4.1. Phương án 1

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực đẩy mạnh việc kiểm tra, đánh giá hoạt động, đánh giá xếp loại tổ chức KH&CN công lập.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: chính sách đãi ngộ với cán bộ khoa học thiếu đồng bộ, tác dụng khuyến khích, động viên nhà khoa học, thiếu quy định về đạo đức trong nghiên cứu, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong hoạt động KH&CN, không có tác dụng động viên, khích lệ, tôn vinh đội ngũ các nhà khoa học.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không tạo động lực cho đội ngũ cán bộ khoa học.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 2.4.2 Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: thể chế hóa quan điểm của Đảng về tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học tài năng, có tác dụng động viên, khích lệ lớn đến nhà khoa học.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao uy tín, vai trò và trách nhiệm trong hoạt động KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

###### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, có vai trò giúp nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**3. Chính sách 3: hoàn thiện quy định về nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

***3.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Sau 10 năm triển khai, các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương và trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả KH,CN&ĐMST; quy định về quyền tác giả, phân chia lợi nhuận thu được từ kết quả hoạt động KH&CN trong Luật KH&CN chưa phù hợp với thực tiễn, cần tiếp tục hoàn thiện.

- Luật KH&CN chưa có các quy định áp dụng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết như dịch bệnh, thiên tai hoặc những tình huống bất ngờ khác. Sự thiếu hụt các quy định về quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN áp dụng trong tình thế cấp thiết, đột xuất nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát sinh, phục vụ an toàn, tính mạng sức khỏe cho con người, bảo vệ môi trường.

 - Không có quy định về tiêu chí để xác định *“Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.”* nên khó khăn trong việc giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hình thức giao trực tiếp.

***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương và trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả KH,CN&ĐMST; quy định về quyền tác giả, phân chia lợi nhuận thu được từ kết quả hoạt động KH&CN ; bổ sung quy định về quy trình triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết, đột xuất phát sinh.

***3.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 3.2 nói trên.

***3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*3.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.

 - Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ quản lý phù hợp với thay đổi của tình hình thực tiễn.

- Đối với các cơ quan, tổ chức: gặp khó khăn trong quá trình quản lý, triển khai nhiệm vụ KH&CN do thiếu các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn.

###### b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong triển khai nhiệm vụ KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### 3.4.2. Phương án 2:

###### a) Tác động về kinh tế, xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, trách nhiệm trong hoạt động KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

###### b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

###### c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách giúp giảm bớt thủ tục hành chính trong triển khai nhiệm vụ KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về KH&CN.

**4. Chính sách 4: sửa đổi, bổ sung quy định về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

***4.1. Xác định vấn đề bất cập***

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KH,CN&ĐMST.

***4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định liên quan đến chi ngân sách nhà nước cho hoạt động ĐMST; đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động ĐMST; sửa đổi khái niệm về doanh nghiệp KH&CN; bổ sung quy định về phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; hoàn thiện chính sách ưu đãi với hai loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; sửa đổi quy định về phạm vi hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia; quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

***4.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 4.2 nói trên.

***4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*4.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KH,CN&ĐMST.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST**.**

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN bao gồm Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

*4.4.2. Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, trách nhiệm trong hoạt động KH&CN.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về KH&CN.

**5. Chính sách 5:** **Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

***5.1. Xác định vấn đề bất cập***

Trong Luật KH&CN hiện nay chưa có hành lang pháp lý cho hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

***5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định liên quan đến ĐMST và khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia.

***5.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 5.2 nói trên.

***5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*5.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn thời gian nghiên cứu, hoàn thiện hành lang pháp lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển hoạt động ĐMST và xây dựng hệ thống ĐMST quốc gia.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST**.**

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không thay đổi hệ thống pháp luật.

*5.4.2. Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: tạo hành lang pháp lý cho hoạt động ĐMST và khởi nghiệp ĐMST.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: nghiên cứu các quy định mới để triển khai.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và xu thế phát triển KH&CN của thế giới.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về KH&CN.

**6. Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ**

***6.1. Xác định vấn đề bất cập***

Xu thế hội nhập quốc tế về KH&CN ngày càng sâu rộng và vị thế ngày càng quan trọng của Việt Nam trên trường quốc tế đòi hỏi chính sách hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST cần được hoàn thiện phù hợp với thực tiễn Việt Nam không chỉ là nước nhận tài trợ mà đã chủ động tham gia, đóng góp vào các quan hệ hợp tác song phương và đa phương về KH,CN&ĐMST.

***6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện các quy định liên quan đến hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

***6.3. Giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Luật KH&CN theo các mục tiêu nêu tại mục 5.2 nói trên.

***6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp***

*6.4.1. Phương án 1*

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn thời gian nghiên cứu, hoàn thiện hành lang pháp lý.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: các chính sách thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST chận được cập nhật, cản trở quá trình hợp tác, trao đổi.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST**.**

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động đến hệ thống pháp luật.

*6.4.2. Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

 a1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hội nhập quốc tế.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: tạo hành lang pháp lý thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế.

a2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: không có.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

###### d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và xu thế phát triển KH&CN của thế giới.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về KH&CN.

# III. Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi công văn (Công văn số /BKHCN-PC ngày …/…/2023) để lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, cũng như đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày …/…/2023) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày …/…/2023) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân liên quan.

Tính đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được …ý kiến góp ý (ý kiến của … bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, .. tỉnh, thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và giải trình nhằm hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (danh sách chi tiết các cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến).

# IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành**

Việc tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành luật là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

**2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Chính phủ;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- VPCP: Vụ Pháp luật; - Bộ Tư pháp; - Lưu: VT, PC. | **BỘ TRƯỞNG****Huỳnh Thành Đạt** |